

Số: 152 /KH-UBND

Cần Thơ, ngày 22 tháng 7 năm 2024

**KẾ HOẠCH**  
**Đầu tư công năm 2025 thành phố Cần Thơ**

Căn cứ Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) và dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân (HĐND) thành phố Cần Thơ về dự kiến Kế hoạch đầu tư công thành phố Cần Thơ năm 2025;

Thực hiện Công văn số 4488/BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2025, UBND (UBND) thành phố Cần Thơ xây dựng dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2025 thành phố Cần Thơ với những nội dung như sau:

**I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024**

**1. Tình hình giao, phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024**

Tổng kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2024 thành phố được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 và các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nguồn vốn thuộc NSTW<sup>1</sup> đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 10.468,095 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

a) Vốn NSĐP (NSĐP): 7.564,935 tỷ đồng. Trong đó:

- Nguồn cân đối NSĐP: 1.379,135 tỷ đồng.

- Nguồn tiền sử dụng đất: 2.170 tỷ đồng.

- Nguồn Xổ số kiến thiết: 1.800 tỷ đồng.

- Bội chi NSĐP: 2.215,800 tỷ đồng, gồm:

+ Nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại: 1.215,800 tỷ đồng.

+ Trái phiếu chính quyền địa phương : 1.000 tỷ đồng.

b) Vốn NSTW (NSTW): 2.903,160 tỷ đồng. Trong đó:

- Vốn trong nước: 2.863 tỷ đồng.

<sup>1</sup> Quyết định số 1162/QĐ-TTg ngày 13/03/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung vốn từ nguồn dự phòng NSTW năm 2023 cho các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long thực hiện dự án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển; Quyết định số 258/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán và kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2024 từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi NSTW năm 2021 cho Bộ Giao thông vận tải và 08 địa phương để thực hiện 03 dự án đường bộ cao tốc quan trọng quốc gia theo Nghị quyết số 58/2022/QH15, Nghị quyết số 59/2022/QH15 và Nghị quyết số 60/2022/QH15.

+ Nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu:	2.113 tỷ đồng.
+ Nguồn dự phòng NSTW năm 2023:	250 tỷ đồng.
+ Nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi NSTW:	500 tỷ đồng.
- Vốn nước ngoài:	40,160 tỷ đồng.

## 2. Kết quả phân bổ

Đến ngày 30/6/2024, thành phố Cần Thơ đã giao chi tiết 8.849,780 tỷ đồng cho các nhiệm vụ, dự án đã đầy đủ thủ tục đầu tư, gồm:

a) NSDP:	6.169,620 tỷ đồng, trong đó:
- Vốn cân đối NSDP:	983,820 tỷ đồng.
- Tiền sử dụng đất:	2.170 tỷ đồng.
- Xổ số kiến thiết (XSKT):	1.800 tỷ đồng.
- Bội chi NSDP (Chính phủ vay về cho vay lại):	1.215,800 tỷ đồng.
b) Vốn NSTW (NSTW):	2.680,160 tỷ đồng, trong đó:
- Vốn trong nước:	2.640 tỷ đồng.

+ Nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu:	1.890 tỷ đồng.
+ Nguồn dự phòng NSTW năm 2023:	250 tỷ đồng.
+ Nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi NSTW:	500 tỷ đồng.
+ Vốn nước ngoài:	40,160 tỷ đồng.

\* Số vốn giao chi tiết 8.849,780 tỷ đồng được phân bổ theo cơ cấu như sau:

- Cấp vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ: 65 tỷ đồng

- Cấp thành phố quản lý: 5.860,400 tỷ đồng.

- Cấp quận, huyện quản lý: 2.924,380 tỷ đồng.

3. Qua rà soát, UBND thành phố đã bổ sung các nguồn vốn ngân sách địa phương để tiếp tục bố trí cho các nhiệm vụ, dự án đầu tư công là 445,161 tỷ đồng (trong đó, nguồn thu vượt sử dụng đất năm 2023 là 231,573 tỷ đồng, nguồn thu vượt xổ số kiến thiết năm 2023 là 213,588 tỷ đồng). Đồng thời, đến ngày 16 tháng 7 năm 2024, thành phố đã giao chi tiết 223 tỷ đồng nguồn ngân sách trung ương tại các Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2024 và Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2024.

Như vậy, tính đến ngày 16 tháng 7 năm 2024 tổng kế hoạch vốn chưa giao chi tiết là 1.840,476 tỷ đồng nguồn vốn ngân sách địa phương.

Đối với kế hoạch vốn ngân sách địa phương còn lại chưa phân bổ: UBND thành phố sẽ trình HĐND thành phố bố trí cho các dự án trọng điểm, quan trọng của thành phố khi đủ điều kiện bố trí vốn theo quy định và theo khả năng giải ngân của từng dự án cụ thể. Riêng đối với các dự án thuộc trái phiếu chính quyền địa phương sẽ được xem xét, bố trí khi huy động được nguồn vốn.

**4. Tình hình thực hiện, giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công 06 tháng đầu năm 2024, khả năng thực hiện, giải ngân 09 tháng năm 2024, ước thực hiện cả năm 2024**

Qua tổng hợp kết quả giải ngân chi tiết theo số liệu của Kho bạc Nhà nước Cần Thơ, đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024 số vốn đã giải ngân là 3.085,169 tỷ đồng, đạt 34,89% kế hoạch vốn được HĐND thành phố giao chi tiết và đạt 29,5% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, gấp 1,028 lần về giá trị nhưng giảm 2,15% về tỷ lệ so với cùng kỳ năm 2023. Chi tiết từng nguồn vốn như sau:

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công năm 2024				Ghi chú	
		Thủ tướng Chính phủ giao	HĐND thành phố giao	Giải ngân 30/6/2024	Tỷ lệ %		
					Thủ tướng Chính phủ giao		HĐND thành phố giao
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>10.468.095</b>	<b>8.849.780</b>	<b>3.085.169</b>	<b>29,47%</b>	<b>34,86%</b>	
<i>I</i>	<i>NSTW</i>	<i>2.903.160</i>	<i>2.680.160</i>	<i>1.383.600</i>	<i>47,66%</i>	<i>51,62%</i>	
1	Nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu	2.113.000	1.890.000	1.089.014	51,54%	57,62%	
2	Nguồn dự phòng NSTW năm 2023	250.000	250.000	78.548	31,42%	31,42%	
3	Nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi NSTW năm 2021	500.000	500.000	202.827	40,57%	40,57%	
4	Vốn nước ngoài	40.160	40.160	13.211	32,90%	32,90%	
<i>II</i>	<i>NSĐP</i>	<i>7.564.935</i>	<i>6.169.620</i>	<i>1.701.569</i>	<i>22,49%</i>	<i>27,58%</i>	
1	Nguồn cân đối NSĐP	1.379.135	983.820	330.923	23,99%	33,64%	
	<i>Trong đó cấp vốn điều lệ cho Chi nhánh ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ</i>		65.000	65.000			
2	Nguồn tiền sử dụng đất	2.170.000	2.170.000	401.480	18,50%	18,50%	
3	Nguồn Xổ số kiến thiết	1.800.000	1.800.000	593.504	32,97%	32,97%	
4	Bội chi NSĐP	2.215.800	1.215.800	375.662	16,95%	30,90%	

Ước giải ngân 09 tháng năm 2024 là 6.380 tỷ đồng, đạt 60,94% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 72,09% kế hoạch HĐND thành phố giao.

Ước tổng kế hoạch đầu tư công năm 2024 thành phố dự kiến giao chi tiết 10.913,256 tỷ đồng (tăng 445,161 tỷ đồng vốn NSĐP so với Quyết định của Thủ tướng Chính phủ). Ước kết quả giải ngân kế hoạch các nguồn vốn đầu tư công ước thực hiện 10.077,66 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 96,27% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, không để xảy ra nợ đọng trong xây dựng cơ bản.

a) Nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH: Năm 2024, thành phố dự kiến 158 tỷ đồng cho 02 dự án khởi công mới thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH. Dự kiến sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2025.

b) Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có), thu hồi vốn ứng trước theo quy định (nếu có): Tổng số vốn ứng trước đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa thu hồi là 03 tỷ đồng từ nguồn vốn NSĐP. Nguyên nhân chưa thu hồi cụ thể như sau:

- Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 2001/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2016 về việc thưởng công trình phúc lợi cho các địa phương có thành tích tiêu biểu trong phong trào xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, trong đó thành phố Cần Thơ được thưởng 10 tỷ đồng. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chỉ giao dự toán về cho địa phương 07 tỷ đồng, còn 03 tỷ đồng chưa giao cho đến nay.

- Căn cứ tình hình giao vốn tại Quyết định số 2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nêu trên nhưng chưa có nguồn vốn để thanh toán cho khối lượng thực hiện ngoài công trình, nên thành phố Cần Thơ đã thực hiện ứng trước 03 tỷ đồng vốn NSDP tại Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2018 của UBND thành phố, để thực hiện hoàn thành dự án.

Đến nay, thành phố Cần Thơ chưa được cấp thẩm quyền giao dự toán bổ sung 03 tỷ đồng theo Quyết định số 2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nên chưa có nguồn vốn để thu hồi theo quy định. UBND thành phố Cần Thơ kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, sớm bổ sung dự toán cho thành phố Cần Thơ để thực hiện thu hồi vốn ứng trước theo quy định.

c) Kết quả thực hiện và giải ngân nguồn vốn kéo dài sang năm 2024: Tổng kế hoạch vốn được kéo dài giải ngân trong năm 2024 là 22,025 tỷ đồng. Giá trị giải ngân đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 4,066 tỷ đồng, đạt 18,46% kế hoạch. Ước giải ngân đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 22,025 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 100%.

d) Các dự án cao tốc, dự án kết nối, có tác động lan tỏa, liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững:

(1) Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc-Cần Thơ-Sóc Trăng giai đoạn 1, dự án thành phần 2 đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ:

- Kế hoạch vốn năm 2024 được bố trí 2.000 tỷ đồng (trong đó, nguồn vốn NSTW là 1.500 tỷ đồng, nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi NSTW năm 2021 là 500 tỷ đồng), giá trị thực hiện và giải ngân đến nay là 1.209,381 tỷ đồng, đạt 60,47%, ước cả năm là 2.000 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch được giao.

- Tiến độ thực hiện đến nay:

+ Công tác giải phóng mặt bằng: Tổng diện tích phải giải phóng mặt bằng toàn tuyến khoảng 240,044 ha. Số hộ dân đã bàn giao mặt bằng: 1.003/1.015 hộ, khoảng 238,80/240,044 ha đạt 99,48%. Các địa phương đang tiếp tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để chi trả và bàn giao phần mặt bằng còn lại dự kiến sẽ hoàn thành trong quý III năm 2024.

+ Thi công các gói thầu xây lắp: Tổng giá trị thực hiện các gói thầu xây lắp là 271,012 / 6.448,867 tỷ đồng, đạt tỷ lệ: 4,202%.

(2) Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối Quốc lộ 91 với Quốc lộ 61C):

- Kế hoạch vốn năm 2024 được bố trí 310 tỷ đồng (trong đó, nguồn vốn NSTW là 300 tỷ đồng, NSDP là 10 tỷ đồng), giá trị thực hiện và giải ngân đến nay là 17,385 tỷ đồng, đạt 5,61 %, ước thực hiện cả năm khoảng 206 tỷ đồng.

- Tiến độ thực hiện đến nay:

+ Công tác giải phóng mặt bằng: Tổng diện tích phải giải phóng mặt bằng toàn tuyến khoảng 156,32 ha. Số hộ dân đã bàn giao mặt bằng: 655/1.247 hộ đạt 52%, khoảng 72,13/156,32 ha đạt 46%.

+ Các thi công gói thầu xây lắp: Tổng giá trị thực hiện các gói thầu xây lắp là 490,598/ 2.175,057 tỷ đồng, đạt tỷ lệ: 22,56 %.

đ) Đối với nhiệm vụ cấp vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách:

Năm 2024, thành phố Cần Thơ cấp 65 tỷ đồng bổ sung vốn điều lệ cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ. Trong đó:

- Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (ưu tiên cho cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ không chuyên trách cấp xã có nhu cầu tạo thêm việc làm để phát triển kinh tế hộ gia đình) là 43,5 tỷ đồng.

- Nguồn vốn để cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường tại các phường thuộc quận và thị trấn thuộc huyện: 6,5 tỷ đồng.

- Nguồn vốn để cho vay Người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo Hợp đồng; trong đó, có cho vay theo Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 là 15 tỷ đồng.

Tổng nguồn vốn cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý được giao đến nay (từ năm 2004 đến nay) đạt 552,024 tỷ đồng. Trong 06 tháng đầu năm 2024, đã thực hiện cho vay 92,146 tỷ đồng, với 2.455 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách được vay vốn, thực hiện thu nợ đạt 35,149 tỷ đồng, dư nợ đạt 532,944 tỷ đồng của 14.428 khách hàng, nguồn vốn còn lại là 19,077 tỷ đồng, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ sẽ giải ngân hoàn thành trong quý III năm 2024. Chất lượng tín dụng (nợ quá hạn và nợ khoanh) còn 1,027 tỷ đồng của 73 khách hàng (trong đó, nợ quá hạn là 0,504 tỷ đồng (tỷ lệ 0,09%) của 46 khách hàng; nợ khoanh là 0,523 tỷ đồng (tỷ lệ 0,1%), của 27 khách hàng). Số dư quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập từ tiền lãi thu được theo quy định là 3,563 tỷ đồng.

e) Nguồn thu hợp pháp của cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư: Tổng kế hoạch vốn năm 2024 từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư là 21,338 tỷ đồng, giá trị giải ngân đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 990 triệu đồng, đạt tỷ lệ 4,63%, gồm:

- Dự án Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Da liễu thành phố Cần Thơ (giai đoạn 1): 7,338 tỷ đồng, giá trị giải ngân đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 990 triệu đồng, đạt tỷ lệ 13,49%.

- Dự án Cải tạo và mở rộng khoa Phẫu thuật gây mê- Hồi sức tích cực - Chống độc Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ: 14 tỷ đồng, chưa giải ngân.

## **5. Các giải pháp đã triển khai để thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2024**

UBND thành phố xác định công tác giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024. Với sự chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024, Công điện số 24/CD-

TTg ngày 22 tháng 3 năm 2024, các cấp ủy đảng, chính quyền thành đã chỉ đạo<sup>2</sup> các cơ quan, đơn vị có liên quan khẩn trương tổ chức thực hiện nghiêm theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nhằm đẩy nhanh công tác phân bổ và tăng cường các biện pháp giải ngân vốn đầu tư công năm 2024. Đặc biệt là tiếp tục thực hiện Quyết định số 1130-QĐ/TU ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Ban Thường vụ Thành ủy về kiện toàn Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 45/2022/QH15 của Quốc hội; Nghị quyết số 98/NQ-CP của Chính phủ và UBND thành phố đã kiện toàn các Tổ công tác thúc đẩy tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

## **6. Tình hình huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác phục vụ cho đầu tư phát triển**

a) Về đăng ký kinh doanh, thành lập doanh nghiệp: Ước 06 tháng đầu năm, cấp mới đăng ký kinh doanh cho 875 doanh nghiệp, tổng vốn đăng ký 6.150 tỷ đồng, đạt 48,61% KH số lượng doanh nghiệp và đạt 47,31% KH vốn, tương đương số lượng doanh nghiệp và tăng 7% vốn so cùng kỳ; giải thể tự nguyện 105 doanh nghiệp các loại hình, hồ sơ đăng ký qua mạng đạt tỷ lệ 74%.

b) Tại các khu chế xuất và công nghiệp: Ước 06 tháng đầu năm, điều chỉnh 02 dự án đăng ký tăng vốn 19,46 triệu USD. Lũy kế, các khu công nghiệp trên địa bàn có 256 dự án còn hiệu lực<sup>3</sup> với tổng vốn đầu tư đăng ký 1,930 tỷ USD, vốn đầu tư đã thực hiện 1,212 tỷ USD, chiếm 63% tổng vốn đầu tư đăng ký. Doanh thu các doanh nghiệp đang hoạt động thực hiện 1,264 tỷ USD, đạt 50,3% KH, tăng 15% so cùng kỳ. Tổng số lao động đang làm việc 42.002 lao động, tăng 693 lao động so cùng kỳ.

c) Về đầu tư trong nước (ngoài khu công nghiệp): Thành phố có 02 dự án mới<sup>4</sup>, vốn đầu tư đăng ký 150,2 tỷ đồng; điều chỉnh 01 dự án (giảm quy mô). Lũy kế đến hiện nay có 92 dự án được UBND thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư đang triển khai thực hiện, tổng diện tích sử dụng đất khoảng 1.909,6ha.

d) Về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): cấp mới 02 dự án, vốn đăng ký 230.000 USD; chấm dứt hoạt động 01 dự án, vốn đăng ký 150.000 USD. Lũy kế đến nay, trên địa bàn thành phố hiện có 82 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 2.274,97 triệu USD.

đ) Ngoài ra, các hợp tác xã (HTX), tổ hợp tác (THT) hỗ trợ có hiệu quả cho thành viên sản xuất, kinh doanh, mở rộng thị trường; tiếp cận và thực hiện tốt các giải pháp về chuyển đổi số trong hoạt động trong sản xuất, kinh doanh; liên kết trong đầu tư, sản xuất giữa HTX với HTX, giữa HTX với doanh nghiệp có những hình thức hiệu quả và lâu dài hơn. Thành lập mới 12 HTX, đạt 60% KH, giải thể tự nguyện 01 HTX; nâng tổng số có 338 HTX<sup>5</sup>, tổng vốn điều lệ 743,272 tỷ đồng (tăng 6,089 tỷ đồng so với đầu năm 2023), có 13.405 thành viên, 17.478

<sup>2</sup> Công văn số 963-CV/TU ngày 22/02/2024; Chỉ thị 33-CT/TU ngày 8/5/2024; Thông báo số 478-TB/TU ngày 9/4/2024, số 721-TB/VPTU ngày 20/5/2024 của Thành ủy thành phố; Công văn số 486/UBND-XĐĐT ngày 05/02/2024, số 1166/UBND-XĐĐT ngày 28/3/2024; Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 01/4/2024; Thông báo kết luận 93/TB-VPUB ngày 26/4/2024 của UBND thành phố.

<sup>3</sup> Trong đó có 213 dự án đang hoạt động, 15 dự án đang xây dựng, 05 dự án chưa xây dựng và 23 dự án ngưng hoạt động.

<sup>4</sup> 01 dự án UBND thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; 01 dự án cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

<sup>5</sup> Trong đó có 212 HTX đang hoạt động, 59 HTX thông báo tạm ngừng hoạt động và 67 HTX đang làm hồ sơ giải thể.

người lao động thường xuyên. Thành lập mới 18 tổ hợp tác, nâng tổng số có 1.519 THT, thu hút 53.810 hộ gia đình tham gia.

### **7. Đánh giá tính khả thi và dự kiến mức độ hoàn thành kế hoạch so với mục tiêu đã đề ra**

Qua rà soát tình hình thực hiện các thủ tục đầu tư, tiến độ thi công ngoài công trình, công tác giải phóng mặt bằng và tiến độ thực hiện huy động 1.000 tỷ đồng nguồn vốn trái phiếu chính quyền địa phương năm 2024, để hoàn thành thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cần có sự vào cuộc đồng bộ, phối hợp nhịp nhàng của sở, ban ngành, các cấp chính quyền địa phương. Dự kiến trước tháng 9 năm 2024, sẽ hoàn thành công tác phê duyệt điều chỉnh các dự án Đường tỉnh: 917, 918, 921, 923 và đường Vành đai phí Tây thành phố Cần Thơ; thực hiện phát hành trái phiếu chính quyền địa phương như tiến độ dự kiến và kỳ vọng trình HĐND thành phố giao chi tiết hết 1.618,315 tỷ đồng trong tháng 9 năm 2024 và phấn đấu hoàn thành mục tiêu giải ngân đạt tỷ lệ từ 95% trở lên kế hoạch vốn được Thủ tướng Chính phủ giao.

### **8. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện, giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2024**

a) Các khó khăn trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư vẫn chưa được giải quyết triệt để, nhiều vụ việc phức tạp mới phát sinh trong quá trình thực hiện (người nhận tiền bồi thường mất phải làm thủ tục thừa kế, có phát sinh tranh chấp của các hộ dân đợi tòa án thụ lý và phán quyết, người dân không nhận tiền và không bàn giao mặt bằng,...); xảy ra tình trạng khan hiếm nguyên vật liệu xây dựng (cát san lấp, chi phí xây dựng tăng,...).

b) Nguyên nhân chủ quan chủ yếu, đã ảnh hưởng đến kết quả giải ngân trong thời gian qua chậm được khắc phục, cụ thể: Công tác khảo sát, thu thập số liệu để lập chủ trương đầu tư, dự án đầu tư chưa chuẩn xác, đặc biệt là việc khái toán kinh phí hỗ trợ, bồi thường và tái định cư còn quá thấp so với giá thị trường, dẫn đến khi nhiều dự án triển khai thực hiện có kinh phí bồi thường thực tế tăng nhiều so với quyết định đầu tư đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và làm vượt tổng mức đầu tư được duyệt. Từ đó, phải thực hiện các thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án, mất nhiều thời gian và ảnh hưởng đến quá trình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn; đồng thời đây cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến việc cân đối vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 của thành phố. Năng lực của một số chủ đầu tư còn hạn chế, chậm nghiên cứu các quy định mới từ đó các hồ sơ, thủ tục đầu tư dự án thực hiện trình cấp thẩm quyền chưa đầy đủ, không đạt theo yêu cầu phải điều chỉnh nhiều lần, kéo dài thời gian. Mặc dù Thường trực Thành ủy, Thường trực UBND thành phố đã tập trung chỉ đạo các giải pháp cụ thể, tuy nhiên trong từng trường hợp cụ thể, công tác phối hợp giữa chủ đầu tư, các cơ quan, đơn vị vẫn chưa thật sự chặt chẽ, chưa phát huy hiệu quả trong giải quyết công việc.

### **9. Các giải pháp, kiến nghị để tiếp tục triển khai có hiệu quả và thực hiện thành công kế hoạch đầu tư công trong những tháng cuối năm 2024**

Tiếp tục xác định nhiệm vụ giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 là nhiệm vụ chính trị quan trọng. Nhằm góp phần phát huy các mặt tích cực và chấn chỉnh

các mặt còn tồn tại, hạn chế, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn trong đầu tư thời gian qua, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024, UBND thành phố yêu cầu Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan ban, ngành, đoàn thể thành phố, Chủ tịch UBND quận, huyện (các đơn vị được giao kế hoạch vốn đầu tư công) tập trung chỉ đạo, khẩn trương thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao, cụ thể:

a) Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan ban, ngành và đoàn thể thành phố, Chủ tịch UBND quận, huyện có trách nhiệm:

- Quán triệt, thực hiện nghiêm những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công theo các Nghị quyết của Chính phủ và văn bản triển khai của các Bộ, ngành Trung ương; quy chế phối hợp, có phân công, phân nhiệm cụ thể giữa sở, ngành, UBND quận, huyện, chủ đầu tư trong lập, thẩm định, trình phê duyệt, đảm bảo kế hoạch vốn cho triển khai thực hiện dự án, đẩy nhanh tiến độ giải ngân, không để nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Tuân thủ các nguyên tắc trong quản lý, phân bổ vốn đầu tư công, quản lý đầu tư xây dựng, không để xảy ra trường hợp vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đấu thầu, Luật Xây dựng và các Nghị định của Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương. Thực hiện nghiêm các nguyên tắc, quy định trong đăng ký kế hoạch, bố trí vốn theo đúng thứ tự ưu tiên, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

- Thực hiện nghiêm Chỉ thị của Chủ tịch UBND thành phố, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; chấn chỉnh xử lý các hành vi thiếu trách nhiệm, chậm trễ trong thực hiện nhiệm vụ. Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân làm chậm trễ trong công tác giải ngân vốn đầu tư công, thực hiện ngay điều chuyển cán bộ, công chức khi cần thiết.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương và chủ đầu tư để giải quyết nhanh các thủ tục của dự án; quan tâm thực hiện tốt công tác lựa chọn nhà thầu (tư vấn giám sát, thiết kế, thi công, ...); không đùn đẩy công việc, tập trung thực hiện, giải quyết hồ sơ, cũng như phối hợp giải quyết các kiến nghị của các chủ đầu tư.

- Triển khai kế hoạch giám sát và đánh giá đầu tư; có biện pháp xử lý đối với các chủ đầu tư không thực hiện nghiêm chế độ báo cáo theo quy định.

- Khẩn trương thực hiện quyết toán công trình hoàn thành; rà soát, xử lý nghiêm trách nhiệm của chủ đầu tư đối với những trường hợp chậm thực hiện công tác quyết toán theo quy định.

- Thường xuyên theo dõi, chủ động phối hợp xử lý có hiệu quả những tác động của biến đổi khí hậu là tình trạng sạt lở bờ sông, hạn chế tới mức thấp nhất ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt của người dân khu vực bị ảnh hưởng; chủ động phối hợp và tranh thủ sự hỗ trợ của các Bộ, ngành Trung ương xây dựng giải pháp căn cơ, xử lý triệt để, mang tính bền vững gắn với liên kết vùng trước tình trạng sạt lở bờ sông diễn biến phức tạp.



- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công, đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí, tuân thủ quy định của pháp luật.

b) Giao các Phó Chủ tịch UBND thành phố theo dõi, chỉ đạo các sở, ngành được phân công phụ trách tại Quyết định số 2656/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố, tăng cường kiểm tra, giám sát, báo cáo kịp thời, tham mưu Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ chỉ đạo triển khai thực hiện các dự án trọng điểm đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng; phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ đạo được thành lập tại Quyết định số 1130-QĐ/TU ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Ban Thường vụ Thành ủy trong việc theo dõi và giám sát chủ đầu tư thực hiện trách nhiệm về quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn thực hiện dự án, đề xuất xử lý, giải quyết những khó khăn vướng mắc theo quy định.

c) Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Tăng cường rà soát, kiểm tra đề xuất bố trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện của các dự án.

- Chủ trì, phối hợp các chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan thường xuyên rà soát tham mưu cắt giảm, điều chuyển vốn đối với các dự án triển khai chậm, bổ sung vốn cho các dự án có khối lượng hoàn thành cao trong năm kế hoạch, đảm bảo giải ngân hết kế hoạch vốn được giao, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn.

- Chủ động phối hợp với các Chủ đầu tư, tăng cường công tác thẩm định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025, trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định để làm cơ sở đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, tham mưu UBND thành phố trình cấp thẩm quyền xem xét, kịp thời bổ sung nguồn vốn thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 hoặc giãn, hoãn tiến độ thực hiện các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư trong trường hợp cần thiết; rà soát kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được giao, đề xuất điều chuyển phù hợp theo khả năng thực hiện giữa các dự án, trình cấp thẩm quyền xem xét.

d) Giao các chủ đầu tư: Tập trung chỉ đạo và thực hiện đồng bộ, quyết liệt ngay các nội dung chủ yếu sau:

- Rà soát, thực hiện cụ thể hóa nhiệm vụ được giao trong việc phân công, phân nhiệm công việc rõ ràng đối với từng cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện, hoàn thành giải ngân trên 95% kế hoạch vốn đã bố trí. Đánh giá khách quan, xử lý nghiêm các cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ giải ngân vào cuối năm. Thay thế hoặc đề xuất thay thế kịp thời những cán bộ, công chức, viên chức yếu kém về năng lực.

- Tăng cường, phát huy vai trò, trách nhiệm trong công tác kiểm tra giám sát, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh, hoàn thành các dự án theo kế hoạch đã đề ra; đảm bảo chất lượng công trình và tiến độ của dự án. Thường xuyên kiểm tra, giám sát đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân kế hoạch vốn năm 2024, nhất là các công trình thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH, các công trình trọng điểm tại Quyết định số 1130-QĐ/TU ngày 17 tháng

7 năm 2023 của Ban Thường vụ Thành ủy. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp Nhà thầu vi phạm các quy định về thi công, hợp đồng. Tùy theo từng trường hợp cụ thể, đề xuất UBND thành phố xử lý vi phạm để răn đe theo thẩm quyền; đồng thời, trong quá trình thực hiện không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các chủ đầu tư cũng như tiến độ thực hiện của các công trình.

- Quan tâm, thường xuyên đối với việc kiểm tra hồ sơ thủ tục trình thẩm định giá đất cụ thể, hồ sơ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng thi công với nhà thầu, ... tăng cường công tác giám sát, kiểm tra tại công trường, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thi công, giải quyết nhanh những khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền, nhất là khâu bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân vốn đầu tư công đối với từng dự án/công trình.

- Tổ chức giám sát chặt chẽ hoạt động của các nhà thầu tham gia xây dựng công trình theo đúng quy định. Quan tâm kiểm tra việc thực hiện theo đúng thiết kế bản vẽ thi công dự toán đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, kiểm tra chất lượng xây dựng công trình, kiên quyết không nghiệm thu công trình khi không đáp ứng được các yêu cầu về chất lượng. Đối với các dự án đang triển khai thi công, yêu cầu nhà thầu tập trung nguồn lực và thể hiện bằng công việc cụ thể như: có nhân lực, máy móc thiết bị và tập kết vật tư (hoặc tối thiểu là hợp đồng cung ứng vật tư) tại hiện trường, có kế hoạch và giải pháp thi công cụ thể đảm bảo thực hiện có khối lượng giải ngân hết kế hoạch vốn. Trong quá trình thanh toán, đảm bảo thu hồi tạm ứng theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Chủ động thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, công tác lựa chọn nhà thầu theo quy định đối với những dự án khởi công mới. Tập trung hoàn thành thủ tục đầu tư các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH để kịp thời tổ chức triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ.

- Trong phần vốn được bố trí, ưu tiên thực hiện bồi hoàn, hỗ trợ và tái định cư cho dự án (nếu có); thực hiện tốt hướng dẫn của trung ương về mức tạm ứng thực hiện hợp đồng triển khai các công trình; đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch vốn được bố trí, không để xảy ra nợ đọng và các trường hợp phát sinh hạng mục, tăng tổng mức đầu tư không đúng quy định.

- Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đấu thầu và các Nghị định, văn bản hướng dẫn có liên quan, đảm bảo chất lượng và hiệu quả trong công tác đấu thầu; thực hiện đúng quy định lộ trình đấu thầu qua mạng.

- Thực hiện ngay các thủ tục thanh toán tại Kho bạc Nhà nước, giải ngân vốn cho các hạng mục thuộc dự án có biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng với nhà thầu. Đối với các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng, phải tổ chức nghiệm thu và lập thủ tục quyết toán theo đúng thời gian quy định.

- Xử lý dứt điểm tình trạng tồn đọng quyết toán các dự án hoàn thành (nếu có); quan tâm quản lý đúng quy định bộ hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành.

đ) UBND quận, huyện có trách nhiệm:

- Trình HĐND cùng cấp quyết nghị phân bổ vốn đầu tư được UBND thành phố giao theo tiêu chí định mức, đúng theo quy định về thứ tự ưu tiên: Bố trí vốn để thu hồi các khoản vốn ứng trước, thanh toán khối lượng trong xây dựng cơ

bản (nếu có); bố trí vốn thanh toán cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao từ năm 2023 trở về trước đã đưa vào sử dụng, nhưng chưa bố trí đủ vốn; các dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024; dự án chuyên tiếp; số vốn còn lại (nếu có) sẽ được bố trí cho các dự án khởi công mới theo đúng quy định.

- Việc phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 cho các ngành, lĩnh vực phải tuân thủ đúng theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND thành phố về việc sửa đổi điểm e Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của HĐND thành phố Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ.

- Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho quận, huyện phải thực hiện theo đúng mục tiêu được phân bổ; trường hợp trong năm ngân sách không giải ngân hết phải chủ động đề xuất điều chỉnh; thực hiện nộp trả ngân sách thành phố nếu giải ngân không hết kế hoạch vốn được giao trong năm.

- Tiếp tục tập trung nguồn lực tháo gỡ khó khăn trong công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và tái định cư tại địa phương, tăng cường tổ chức đối thoại trực tiếp với người dân, kịp thời giải quyết và báo cáo về kết quả giải quyết trong công tác thu hồi đất đối với các dự án trên địa bàn theo đúng trình tự, thủ tục quy định hiện hành. Tập trung nguồn lực thực hiện công tác chi trả bồi thường theo phương án bên bù, giải phóng mặt bằng đã được phê duyệt, có kế hoạch chi tiết để tổ chức thực hiện, ưu tiên đối với những dự án quan trọng. Trong đó, đối với những trường hợp cần thiết áp dụng biện pháp cưỡng chế phải có kế hoạch cụ thể, tránh trường hợp kéo dài dẫn đến các quyết định rơi vào thời điểm các ngày lễ, tết phải dừng thực hiện, mất nhiều thời gian.

- Phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện các dự án trọng điểm, các tuyến đường cao tốc đi qua địa bàn các quận, huyện, đảm bảo đúng tiến độ theo yêu cầu.

## **10. Tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia**

a) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

- Tình hình ban hành văn bản theo phân cấp; phân bổ, sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

+ Theo quy định tại tiết b khoản 7 Điều 3 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng của NSDP thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Chương trình), thành phố Cần Thơ không được hỗ trợ NSTW thực hiện Chương trình, nguồn vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 được bố trí 100% từ NSDP.

+ Thực hiện quy định Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và quy định tại Khoản 2 Điều 10 Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg

ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025: “Căn cứ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 quy định tại Quyết định này, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình của địa phương, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình HĐND cấp tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025”.

+ HĐND thành phố Cần Thơ đã ban hành Nghị quyết: Số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020, số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022, số 08/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ, trong đó ưu tiên sử dụng nguồn vốn xổ số kiến thiết để đầu tư các dự án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

- Kết quả ước thực hiện chương trình 06 tháng đầu năm 2024:

+ Về xã nông thôn mới: Sau khi rà soát các tiêu chí theo Quyết định số 3429/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2022 của UBND thành phố Cần Thơ về việc ban hành Bộ tiêu chí thành phố Cần Thơ về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Kết quả có 36/36 xã đạt 19 tiêu chí.

+ Về xã nông thôn mới nâng cao: Tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao toàn thành phố đến nay là 31/36 xã đạt tỷ lệ 86,11%.

+ Về xã nông thôn mới kiểu mẫu: Đến nay, thành phố đã công nhận 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Tiếp tục nâng chất các xã đã đạt chuẩn thôn mới kiểu mẫu, đạt tỷ lệ 19%.

- Dự kiến kết quả thực hiện cả năm 2024: Theo Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2024 về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2024, dự kiến kết quả thực hiện cả năm 2024 như sau:

+ Về nguồn vốn: Dự kiến huy động nguồn lực thực hiện Chương trình năm 2024 tổng số: 1.356.994 triệu đồng. Trong đó.

. NSNN: 750.439 triệu đồng.

. Nguồn vốn tín dụng: 455.934 triệu đồng.

. Vốn doanh nghiệp: 88.200 triệu đồng.

. Huy động từ người dân và cộng đồng: 62.421 triệu đồng.

+ Tiếp tục rà soát, củng cố, nâng chất 36 xã đạt chuẩn nông thôn mới phải đảm bảo đạt theo Bộ tiêu chí thành phố Cần Thơ về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

+ Về xã nông thôn mới nâng cao: xây dựng thêm 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (huyện Vĩnh Thạnh 02 xã; huyện Thới Lai 03 xã). Nâng tổng số xã

đạt chuẩn NTM nâng cao trên địa bàn thành phố đến hết năm 2024 là 36/36 xã, đạt tỷ lệ 100%.

+ Về xã nông thôn mới kiểu mẫu: xây dựng thêm 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (huyện Phong Điền 01 xã; huyện Cờ Đỏ 01 xã; huyện Vĩnh Thạnh 1 xã). Nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu trên địa bàn thành phố đến hết năm 2024 là 10/36 xã, đạt tỷ lệ 27,7%.

+ Tiếp tục rà soát, củng cố, nâng chất 04 huyện đạt chuẩn nông thôn mới đảm bảo đạt theo Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Đồng thời phấn đấu xây dựng 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

b) Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững:

- Kết quả ước thực hiện chương trình trong 06 tháng đầu năm 2024 (Sở, ban, ngành thành phố và UBND, quận, huyện báo cáo), cụ thể:

+ Hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho 12.713 thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo với kinh phí 12.395 triệu đồng.

+ Hỗ trợ Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 cho 764 hộ nghèo với kinh phí 916, 8 triệu đồng (1.200.000 đồng/hộ); hỗ trợ 180 hộ nghèo khó khăn với kinh phí 180 triệu đồng (1.000.000 đồng/hộ); hỗ trợ 54 hộ nghèo dân tộc thiểu số kinh phí 108 triệu đồng (2.000.000 đồng/hộ); Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố hỗ trợ quà cho 2.944 hộ cận nghèo 500.000 đồng/suất với kinh phí 1.472 triệu đồng.

- Dự kiến kết quả thực hiện cả năm 2024: Theo Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2024 của UBND thành phố Cần Thơ về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thành phố Cần Thơ năm 2024, dự kiến kết quả thực hiện cả năm 2024 như sau:

+ Về nguồn vốn: từ nguồn vốn chi thường xuyên; các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện lồng ghép các nội dung của Chương trình trong thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên của năm 2024 tổng kinh phí là 538.003 triệu đồng; phân theo nguồn như sau:

- . Ngân sách thành phố: 40.259 triệu đồng
- . Nguồn vốn vay ưu đãi: 472.224 triệu đồng
- . Huy động cộng đồng: 25.520 triệu đồng

+ Các chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình:

. Giảm 0,06% tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2024 còn 0,15% so với hộ dân; giảm 0,06% tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số cuối năm 2024 còn 0,47% so với hộ dân tộc thiểu số; phấn đấu giảm ít nhất 219 hộ nghèo so với đầu năm 2024 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025, giảm ít nhất 06 hộ nghèo dân tộc thiểu số.

. Duy trì và nhân rộng 31 mô hình sinh kế giảm nghèo nhằm tạo việc làm, thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

. Phấn đấu 80% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, thuộc hộ cận nghèo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông nghiệp nhằm

đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập.

. 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

+ Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản:

. 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

. Tối thiểu 200 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

. Chiếu thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế.

. Chiếu thiếu hụt về giáo dục, đào tạo: Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 95%. Trên 200 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

. Chiếu thiếu hụt về nhà ở: Tối thiểu 500 hộ nghèo, hộ cận nghèo (trong đó 100% hộ nghèo có đất được hỗ trợ xây dựng nhà ở) trên địa bàn được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

. Chiếu thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: 100% hộ nghèo được hỗ trợ nguồn nước sạch sinh hoạt; 95% hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% hộ nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, ít nhất 95% hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

. 100% hộ nghèo được sử dụng lưới điện quốc gia.

. Chiếu thiếu hụt về thông tin: Trên 95% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet.

+ Các dự án thành phần của Chương trình:

. Dự án 1: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Hỗ trợ vốn vay ưu đãi, phát triển sản xuất; hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp gồm: Giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn gia súc; hỗ trợ vốn vay làm chuồng trại chăn nuôi, ao nuôi, tập huấn kỹ thuật, đào tạo nghề. Duy trì 31 mô hình sinh kế tập trung mô hình dạy nghề gắn với tạo việc làm theo hướng sản xuất hàng hoá để người nghèo tiếp cận và tham gia; mô hình liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, cộng đồng với doanh nghiệp; mô hình hỗ trợ sản xuất, tạo thu nhập cho người nghèo. Vốn thực hiện: 11.076 triệu đồng, trong đó: Vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội: 5.776 triệu đồng, huy động cộng đồng: 5.300 triệu đồng.

. Dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, cải thiện dinh dưỡng.

(1) Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp: Phát triển sản xuất nông nghiệp, tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng,

vật nuôi; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định; tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thị điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả. Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 01 tỷ đồng, trong đó: NSDP: 800 triệu đồng, vốn huy động hợp pháp khác: 200 triệu đồng.

(2) Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng: Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo sinh sống trên địa bàn. Tư vấn, can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng cho trẻ em từ 5 đến dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo sinh sống trên địa bàn thành phố. Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 80 triệu đồng, từ nguồn NSDP.

. Dự án 3: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững: Thực hiện đào tạo nghề cho người thuộc hộ nghèo trên 80 người. Kinh phí thực hiện: 472 triệu đồng. Thực hiện đào tạo nghề cho người thuộc hộ cận nghèo trên 120 người. Kinh phí thực hiện: 648 triệu đồng. Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 1.120 triệu đồng, từ nguồn NSDP.

. Dự án 4: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn: Xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m<sup>2</sup> “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên. Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 20.000 triệu đồng, trong đó: Vốn huy động từ nguồn xã hội hóa: 20.000 triệu đồng.

. Dự án 5: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội. Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 200 triệu đồng, từ nguồn NSDP.

. Dự án 6: Nâng cao năng lực và kiểm tra giám sát, đánh giá Chương trình: Xây dựng tài liệu tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo. Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, Chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất. Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 190 triệu đồng, từ nguồn NSDP.

c) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số:

- Kết quả ước thực hiện chương trình 6 tháng năm 2024:

+ Giảm tỷ lệ hộ nghèo: cuối năm 2022, trên địa bàn thành phố có 113 hộ nghèo dân tộc thiểu số, chiếm 1,14% trên tổng số hộ dân tộc thiểu số. Đến cuối năm 2023 số hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm còn 54 hộ, chiếm tỷ lệ 0,53% trên tổng số hộ dân tộc thiểu số (giảm 0,61%, vượt 203,3% mục tiêu kế hoạch).

+ Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường: 99,06%, vượt 101% KH.

+ Học sinh trong độ tuổi học tiểu học 100%: đạt 100% kế hoạch.

- + Học trung học cơ sở: 95,2%, vượt 100,7% kế hoạch.
- + Học trung học phổ thông: 70%, đạt 98,6% kế hoạch.
- + Người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông đạt 96,88%, đạt 98,86% kế hoạch.
- + 100% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế: vượt 106% kế hoạch.
- + Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ 6,3%, vượt 150,7% kế hoạch.
- + Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS: 50,2%, đạt 91,27% kế hoạch.
- + Ước tình hình giải ngân: Tổng vốn giải ngân 1.807,3 triệu đồng/20.124 triệu đồng, đạt 8,98 % so với Kế hoạch năm 2024, trong đó: vốn đầu tư: 1.216 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 591,3 triệu đồng

- Dự kiến kết quả thực hiện cả năm 2024: Cần Thơ là địa phương không được phân bổ NSTW để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Những năm qua, thành phố bố trí, huy động vốn lồng ghép việc thực hiện Chương trình vào việc triển khai các nhiệm vụ phát triển giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn. Theo Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2024 của UBND thành phố thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2024, dự kiến kết quả thực hiện cả năm 2024 như sau:

+ Về nguồn vốn: dự kiến tổng kinh phí lồng ghép thực hiện năm 2024 là 20.124 triệu đồng, trong đó:

. Vốn đầu tư thành phố: 14.325 triệu đồng (tuy nhiên theo Quyết định số 3041/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của UBND thành phố về việc giao Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024, Dự án đầu tư, nâng cấp Trường Phổ thông Dân tộc nội trú thành phố (tiêu dự án 1, dự án 5) được bố trí kinh phí 9,141 tỷ đồng);

. Vốn sự nghiệp thành phố: 5.679 triệu đồng;

. Vốn vay Ngân hàng chính sách xã hội: 100 triệu đồng;

. Vốn huy động: 20 triệu đồng.

+ Các dự án thành phần của Chương trình:

(1) Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: Đối với đất ở: thực hiện bố trí đất ở cho các hộ đủ điều kiện (dự kiến 59 hộ) vào các khu dân cư dân tộc thiểu số tại huyện Cờ Đỏ, huyện Vĩnh Thạnh và quận Ô Môn. Đối với nhà ở: tiếp tục hỗ trợ xây dựng 04 căn nhà từ nguồn vốn vận động xã hội hóa, quỹ vì người nghèo.

(2) Dự án 5: Phát triển giáo dục và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Tiếp tục thực hiện đầu tư, nâng cấp Trường Phổ thông Dân tộc nội trú thành phố, dự kiến hoàn thành trong năm 2024.

(3) Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: tiếp tục bảo tồn, phát huy giá trị văn



hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số; tổ chức các hoạt động mừng Tết Chôl Chnăm Thmây của đồng bào dân tộc Khmer).

(4) Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em: Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung theo kế hoạch (khi được cấp kinh phí)<sup>6</sup>.

(5) Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn: Lồng ghép thực hiện Nội dung 2 “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vùng đồng bào dân tộc thiểu số”.

(6) Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện chương trình<sup>7</sup>.

## II. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

### 1. Nguyên tắc bố trí vốn

Nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công năm 2025 phải đảm bảo tuân thủ theo quy định Điều 51 Luật Đầu tư công, cụ thể:

a) Nhằm thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển trong chiến lược, kế hoạch phát triển và quy hoạch đã được phê duyệt.

b) Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định.

c) Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng có ý nghĩa lớn đối với phát triển của thành phố và địa phương.

d) Tuân thủ thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định tại Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND và số 08/2022/NQ-HĐND của HĐND thành phố.

đ) Đáp ứng điều kiện bố trí vốn hàng năm theo quy định Điều 53 Luật Đầu tư công.

e) Đảm bảo thời gian bố trí vốn cho dự án theo quy định Điều 52 Luật Đầu tư công.

g) Chỉ thực hiện bố trí vốn cho các dự án khởi công mới sau khi đã hoàn thành thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi toàn bộ vốn ứng trước theo quy định.

<sup>6</sup> cụ thể: Hợp phần 2. Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đối với Hợp phần 2 sẽ thực hiện những nội dung sau: Hoạt động 2.1. Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh; Hoạt động 2.2. Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số nhanh; Hoạt động 2.3. Ổn định và phát triển dân số của đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Hoạt động 2.4. Nâng cao năng lực quản lý dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Hoạt động 2.5. Phòng chống bệnh Thalassemia tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Hợp phần 3. Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tâm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số.

<sup>7</sup> Tiểu dự án 1 “Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”. Tiểu dự án 3: Tham mưu UBND thành phố tổ chức 01 Đoàn giám sát, đánh giá, kết quả thực hiện Chương trình (dự kiến vào đầu tháng 9 năm 2024).

## 2. Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025

a) Nhu cầu vốn đầu tư công năm 2025:

Tổng số: 12.356,677 tỷ đồng. Trong đó:

- NSTW: 6.116,086 tỷ đồng.

- NSDP: 6.240,591 tỷ đồng.

b) Dự kiến khả năng cân đối từng nguồn vốn đầu tư công: Dự kiến tổng Kế hoạch vốn năm 2025 là 12.118,810 tỷ đồng, bằng 98% nhu cầu các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (cao hơn 2.400,715 tỷ đồng so với kế hoạch năm 2024 được Thủ tướng Chính phủ giao).

- NSTW: 6.116,086 tỷ đồng.

- Vốn trong cân đối NSDP: 6.002,724 tỷ đồng, gồm:

+ Vốn cân đối NSDP: 5.002,724 tỷ đồng.

+ Bộ chi NSDP: 1.000 tỷ đồng (trái phiếu chính quyền địa phương).

c) Dự kiến phân chia theo phân cấp quản lý: Tổng số Kế hoạch vốn dự kiến năm 2025 là 12.118,810 tỷ đồng. Cụ thể:

- Vốn không phân chia theo tiêu chí định mức là 7.116,086 tỷ đồng, gồm:

+ NSTW: 6.116,086 tỷ đồng.

+ NSDP: 1.000 tỷ đồng (trái phiếu chính quyền địa phương).

- Vốn phân chia theo tiêu chí định mức là 5.002,724 tỷ đồng. Phân chia như sau:

+ Vốn thành phố quản lý: 2.778,592 tỷ đồng.

+ Vốn quận, huyện quản lý: 2.224,132 tỷ đồng (số vốn còn lại thuộc Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 trừ đi số vốn đã giao chi tiết hàng năm).

d) Dự kiến phân bổ đối với nguồn vốn NSDP: Tổng số Kế hoạch vốn dự kiến năm 2025 là 6.002,724 tỷ đồng. Cụ thể:

- Vốn bố trí cho các công trình do thành phố quản lý: 2.030,109 tỷ đồng.

+ Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn quy hoạch: 52,353 tỷ đồng.

+ Vốn thực hiện dự án: 1.977,756 tỷ đồng,

Trong đó: Cấp vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ: 70 tỷ đồng

- Vốn bố trí cho các công trình do quận, huyện quản lý: 3.972,615 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn theo tiêu chí định mức: 2.224,132 tỷ đồng

*(Việc bố trí theo ngành, lĩnh vực trên địa bàn quận, huyện do HĐND cấp huyện quyết định theo mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng phát triển của địa phương)*

+ Vốn thành phố hỗ trợ cho các dự án: 1.748,483 tỷ đồng.

*(Danh mục chi tiết dự kiến phân bổ cho các dự án theo Phụ lục số I, II)*

### **3. Lập kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025**

Theo quy định tại tiết b khoản 7 Điều 3 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng của NSDP thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (Chương trình), thành phố Cần Thơ không được hỗ trợ NSTW thực hiện Chương trình, nguồn vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 được bố trí 100% từ NSDP. Do đó, UBND các huyện sẽ rà soát, chủ động cân đối từ nguồn vốn được phân bổ theo tiêu chí, định mức, phù hợp với khả năng huy động vốn và kế hoạch thực hiện Chương trình tại địa phương trong năm 2025.

### **4. Các thuận lợi và khó khăn trong việc cân đối và huy động nguồn vốn đầu tư trong năm 2025**

a) Thuận lợi: Được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của các Bộ, ngành Trung ương, sự chỉ đạo, điều hành sát sao của Lãnh đạo Thành ủy, HĐND, UBND thành phố, triển khai các giải pháp tăng thu ngân sách thông qua việc đôn đốc các đơn vị thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và các đoàn thanh tra, kiểm tra; tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác thanh, kiểm tra, công tác thu hồi nợ cũng như tiếp tục khai thác tăng thu trong lĩnh vực chuyên nhượng bất động sản, kinh doanh thương mại điện tử, đẩy nhanh tiến độ khai thác các khoản thu từ đất.

b) Khó khăn: Do khó khăn chung của nền kinh tế, đặc biệt là thị trường bất động sản tại thành phố Cần Thơ trầm lắng; doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính còn nợ tiền thuế cao, nhiều doanh nghiệp ngừng hoạt động,... Từ đó ảnh hưởng đến thu ngân sách của thành phố Cần Thơ.

### **5. Các giải pháp triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2025 và dự kiến kết quả đạt được**

a) Giải pháp huy động nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2025:

- Tiếp tục quán triệt, thực hiện các giải pháp trọng tâm nhằm phục hồi và phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội, đời sống người dân tại Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội nhằm sớm phục hồi, phát triển nhanh hoạt động sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy các động lực tăng trưởng từ đó tạo nguồn thu ổn định cho ngân sách.

- Tập trung huy động nguồn vốn đầu tư công như: Bán đấu giá quyền sử dụng đất thuê, thu tiền sử dụng đất; Triển khai có hiệu quả các Đề án về tài chính - ngân sách đã được phê duyệt: Đề án Phát hành trái phiếu chính quyền địa phương thành phố Cần Thơ năm 2024, Đề án Huy động tài chính và tăng thu ngân sách thành phố Cần Thơ giai đoạn 2024-2025. Nguồn vốn huy động thêm sẽ tập trung đầu tư các dự án quan trọng, mang tính động lực, kết nối giữa các địa phương như: Đường vành đai phía Tây; Nâng cấp, mở rộng các tuyến Đường tỉnh: 917, 918, 921, 923,...

b) Dự kiến kết quả đạt được:

- Với dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nêu trên, trong năm 2025 dự kiến thành phố sẽ phấn đấu hoàn thành đưa vào sử dụng một số dự án quan trọng như: Nâng cấp mở rộng Đường tỉnh: 917, 918 (giai đoạn 2), 921 và 923; đồng thời, hoàn thiện cơ bản các tuyến giao thông kết nối liên quận, huyện. Việc từng bước hoàn thiện hạ tầng là một trong những động lực phát triển của địa phương.

- Ngoài ra, phấn đấu thực hiện khởi công dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 91 (đoạn từ Km0-Km7), thành phố Cần Thơ, đẩy nhanh tiến độ thực hiện sớm hoàn thành đưa vào sử dụng trong thời gian tới, góp phần phục vụ nhu cầu thuận tiện đi lại của người dân, giảm ùn tắc giao thông, hoạt động vận chuyển hàng hóa thuận lợi.

### **6. Lập kế hoạch vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp dành để đầu tư theo quy định của pháp luật**

Dự kiến trong năm 2025, dự kiến có 02 đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư với số vốn là 121,388 tỷ đồng. Gồm có:

a) Bệnh viện Da liễu TP. Cần Thơ: Thực hiện dự án Cải tạo, sửa chữa khu điều trị ngoại trú thuộc Bệnh viện Da liễu TP. Cần Thơ, dự kiến bố trí 43,155 tỷ đồng.

b) Bệnh viện Phụ sản TP. Cần Thơ: Dự kiến bố trí 78,233 tỷ đồng, gồm:

- Dự án Cải tạo và mở rộng khoa Phẫu thuật gây mê - Hồi sức tích cực - Chống độc Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ dự kiến bố trí 32 tỷ đồng.

- Dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất các khoa, phòng Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ dự kiến bố trí 11,093 tỷ đồng.

- Dự án Cải tạo, nâng cấp Khoa điều trị theo yêu cầu Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ dự kiến bố trí 14,790 tỷ đồng.

- Dự án Thay thế trang thiết bị y tế Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ dự kiến bố trí 20,350 tỷ đồng.

### **7. Dự kiến kết quả đạt được của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ**

Với kết quả thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2021-2023, ước thực hiện năm 2024 và dự kiến Kế hoạch năm 2025, thành phố Cần Thơ đạt được một số kết quả mang lại cho sự phát triển của địa phương như sau:

a) Giao thông: Hoàn thành nâng cấp, mở rộng 05 tuyến đường tỉnh quan trọng của thành phố, kết nối các quận, huyện, kết nối các tuyến Quốc lộ mang tính liên vùng; hoàn thành hệ thống đường giao thông nông thôn trong xây dựng xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu; giải quyết cơ bản một số điểm ùn tắc giao thông đô thị vào giờ cao điểm; tạo thuận lợi để hình thành và phát triển một số khu đô thị mới tại địa bàn các quận: Cái Răng, Bình Thủy, Ninh Kiều, Thốt Nốt; các huyện: Phong Điền, Thới Lai, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh..., góp phần thu hút đầu tư và chỉnh trang, phát triển các khu đô thị,

hình thành các trung tâm thương mại, dịch vụ, khu - cụm công nghiệp,... trên địa bàn quận, huyện, thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

b) Ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai: Trọng tâm là hoàn thành đưa vào sử dụng dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị, nguồn vốn đầu tư từ vốn vay Ngân hàng Thế giới và vốn đối ứng từ ngân sách thành phố, dự án đưa vào sử dụng đã cơ bản khắc phục tình trạng ngập tại trung tâm thành phố do ảnh hưởng của triều cường, đồng thời thực hiện chỉnh trang đô thị, góp phần mang lại cuộc sống tốt hơn cho người dân trong vùng dự án.

Trên đây là dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2025 thành phố Cần Thơ./. *vt*

**Nơi nhận:**

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính;
- TT. Thành ủy; TT. HĐND TP;
- UBND TP (1);
- UBMTTQVN TPCT;
- Sở, ban ngành TP;
- Các Trường Đại học, Cao đẳng thuộc TPCT;
- QH, HU, UBND quận, huyện;
- VP UBND thành phố (2,3);
- Lưu VT.PVC *vt*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Việt Trường**

Phụ lục số 1  
CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2025  
(Kèm theo Kế hoạch số 152/ĐM-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn: Triệu đồng

Table with columns: TT, Danh mục dự án, Địa điểm xây dựng, Nhóm dự án, Thời gian KC-HT, Năng lực thiết kế, Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành, Quyết định đầu tư (TMBT, Tổng số, Trong đó: vốn NSDP), Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025, Ngân sách địa phương đã giao chi tiết hàng năm (Tổng số, Năm 2021, Năm 2022, Năm 2023, Năm 2024), Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024 (Tổng số, Trong đó: vốn NSDP), Nhu cầu vốn năm 2025 (Tổng số, Trong đó: NSDP), Dự kiến kế hoạch 2025 (Tổng số, Trong đó: NSDP), Ghi chú.



Dự kiến sẽ bố trí 100 tỷ đồng vốn trong năm 2024 sau khi dự án được phê duyệt để thực hiện đầu thầu thi công

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Ngân sách địa phương đã giao chi tiết hàng năm				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Nhu cầu vốn năm 2025		Dự kiến kế hoạch 2025		Ghi chú	
						TMDT		TỔNG SỐ		Trong đó				Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSDP	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023								Năm 2024
1	Bệnh viện Quân dân y (Giai đoạn 2)	Cơ Dò	B	2022-2024	4276/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	48.837	48.837	48.837	46.191	210	981	15.000	30.000	46.191	46.191	1.000	1.000	1.000	1.000		
IV	<b>Công an thành phố</b>					<b>45.049</b>	<b>45.049</b>	<b>45.201</b>	<b>28.151</b>	-	<b>830</b>	<b>5.301</b>	<b>22.000</b>	<b>28.151</b>	<b>28.151</b>	<b>13.670</b>	<b>13.670</b>	<b>13.670</b>	<b>13.670</b>		
*	<b>Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng</b>					<b>35.399</b>	<b>35.399</b>	<b>35.731</b>	<b>28.131</b>	-	<b>830</b>	<b>5.301</b>	<b>22.000</b>	<b>28.131</b>	<b>28.131</b>	<b>6.770</b>	<b>6.770</b>	<b>6.770</b>	<b>6.770</b>		
1	Nhà tam giác công an quận Ô Môn	Ô Môn	C	2022-2024	3902/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	24.542	24.542	24.543	19.676	380	4.296	15.000	19.676	19.676	4.487	4.487	4.487	4.487	4.487		
2	Trụ sở làm việc Thủy đội thuộc phòng Cảnh sát giao thông đường thủy - Công an thành phố Cần Thơ	Thốt Nốt	C	2023-2025	318/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	10.857	10.857	11.188	8.455	450	1.005	7.000	8.455	8.455	2.283	2.283	2.283	2.283	2.283		
***	<b>Dự án khởi công mới</b>					<b>9.650</b>	<b>9.650</b>	<b>9.470</b>	<b>20</b>				<b>20</b>	<b>20</b>	<b>6.900</b>	<b>6.900</b>	<b>6.900</b>	<b>6.900</b>	<b>6.900</b>		
1	Dự án Mùa sấm máy móc, trang thiết bị thành lập Phòng An Ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao thuộc Công an thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2024-2025	NQ số 01/NQ-HĐND ngày 8/12/2023	9.650	9.650	9.470	20	20			20	20	6.900	6.900	6.900	6.900	6.900		
V	<b>Chi cục Thủy lợi thành phố</b>					<b>292.356</b>	<b>192.356</b>	<b>192.283</b>	<b>69.011</b>	<b>550</b>	<b>7.300</b>	<b>21.161</b>	<b>40.000</b>	<b>69.161</b>	<b>69.161</b>	<b>122.422</b>	<b>122.422</b>	<b>122.422</b>	<b>122.422</b>		
*	<b>Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng</b>					<b>19.909</b>	<b>19.909</b>	<b>19.836</b>	<b>18.459</b>	<b>550</b>	<b>7.000</b>	<b>10.909</b>	-	<b>18.609</b>	<b>18.609</b>	<b>827</b>	<b>827</b>	<b>827</b>	<b>827</b>		
1	Hệ thống thủy lợi tạo nguồn Bắc Cái Sắn (Cần Thơ - An Giang)	Vinh Thạnh	C	2022-2024	2600/QĐ-UBND ngày 10/8/2022	19.909	19.909	19.836	18.459	550	7.000	10.909		18.609	18.609	827	827	827	827		
**	<b>Dự án chuyển tiếp</b>					<b>272.447</b>	<b>172.447</b>	<b>172.447</b>	<b>50.552</b>	-	<b>300</b>	<b>10.252</b>	<b>40.000</b>	<b>50.552</b>	<b>50.552</b>	<b>121.595</b>	<b>121.595</b>	<b>121.595</b>	<b>121.595</b>		
1	Kế chống sạt lở khẩn cấp sông Trà Nóc, phường Trà An (đoạn từ cầu Xẻo Mây đến cầu Rạch Chứa), quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	Bình Thủy	B	2022-2025	3978/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	272.447	172.447	172.447	50.552	300	10.252	40.000	50.552	50.552	121.595	121.595	121.595	121.595	121.595		
VI	<b>Sở Công Thương</b>					<b>58.824</b>	<b>8.824</b>	-	-	-	-	-	<b>8.824</b>	<b>8.824</b>	<b>29.509</b>	<b>29.509</b>	<b>29.509</b>	<b>29.509</b>	<b>29.509</b>		
**	<b>Dự án chuyển tiếp</b>					<b>58.824</b>	<b>8.824</b>	-	-	-	-	-	<b>8.824</b>	<b>8.824</b>	<b>29.509</b>	<b>29.509</b>	<b>29.509</b>	<b>29.509</b>	<b>29.509</b>		
1	Tiểu dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia của thành phố Cần Thơ giai đoạn 2018-2020 - EU tài trợ	Phong Điền - Thới Lai - Cơ Dò - Vĩnh Thạnh	C	2016-2021	860/QĐ-UBND ngày 9/4/2019	58.824	8.824	-	-	-	-	-	-	8.824	8.824	29.509	29.509	29.509	29.509	29.509	
VII	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>					<b>184.975</b>	<b>184.975</b>	<b>181.822</b>	<b>143.109</b>	<b>583</b>	<b>1.900</b>	<b>48.000</b>	<b>92.626</b>	<b>144.239</b>	<b>144.239</b>	<b>34.500</b>	<b>34.500</b>	<b>33.907</b>	<b>33.907</b>		
*	<b>Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng</b>					<b>104.983</b>	<b>104.983</b>	<b>102.229</b>	<b>98.326</b>	<b>373</b>	<b>1.150</b>	<b>28.000</b>	<b>68.803</b>	<b>99.056</b>	<b>99.056</b>	<b>2.300</b>	<b>2.300</b>	<b>1.707</b>	<b>1.707</b>		
1	Trường THCS và THPT Tân Lộc	Thốt Nốt	C	2022-2024	691/QĐ-UBND ngày 15/02/2022	39.995	39.995	39.725	38.218	137	500	11.000	26.581	38.488	38.488	1.100	1.100	1.100	1.100		
2	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú	Ô Môn	C	2022-2024	21/QĐ-UBND ngày 06/01/2022	24.989	24.989	24.779	22.790	99	250	6.000	16.441	22.980	22.980	200	200	200	200		
3	Trường THCS và THPT Thới Thuận	Thốt Nốt	C	2021-2023	4278/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	39.999	39.999	37.725	37.318	137	400	11.000	25.781	37.588	37.588	1.000	1.000	407	407		
***	<b>Dự án khởi công mới</b>					<b>79.992</b>	<b>79.992</b>	<b>79.593</b>	<b>44.783</b>	<b>210</b>	<b>750</b>	<b>20.000</b>	<b>23.823</b>	<b>45.183</b>	<b>45.183</b>	<b>32.200</b>	<b>32.200</b>	<b>32.200</b>	<b>32.200</b>		
1	Trường THPT chuyên Lý Tự Trọng	Cái Răng	B	2022-2025	147/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	79.992	79.992	79.593	44.783	210	750	20.000	23.823	45.183	45.183	32.200	32.200	32.200	32.200		
VIII	<b>Sở Giao thông vận tải</b>					<b>7.708.823</b>	<b>5.183.160</b>	<b>1.513.109</b>	<b>1.164.626</b>	<b>15.686</b>	<b>676.331</b>	<b>428.609</b>	<b>44.000</b>	<b>2.691.336</b>	<b>1.170.336</b>	<b>1.389.456</b>	<b>383.793</b>	<b>1.389.456</b>	<b>383.793</b>		
**	<b>Dự án chuyển tiếp</b>					<b>7.708.823</b>	<b>5.183.160</b>	<b>1.501.181</b>	<b>1.164.188</b>	<b>15.248</b>	<b>676.331</b>	<b>428.609</b>	<b>44.000</b>	<b>2.690.898</b>	<b>1.170.898</b>	<b>1.377.966</b>	<b>372.303</b>	<b>1.377.966</b>	<b>372.303</b>		
1	Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (mối Quốc lộ 91 với Quốc lộ 61C)	Ô Môn - Bình Thủy - Phong Điền - Ninh Kiều - Cái Răng	A	2021-2025	3543/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	6.601.551	4.601.551	1.399.184	1.082.624	7.184	637.331	428.109	10.000	2.283.884	1.083.884	1.108.120	308.120	1.108.120	308.120	Dự kiến trong năm 2024 sẽ bổ sung cho dự án 369 tỷ đồng vốn trái phiếu chính quyền địa phương theo phương án đã trình xin ý kiến Ban Thường vụ Thành ủy	
2	Xây dựng và nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 923	Ô Môn - Phong Điền	B	2021-2024	1466/QĐ-UBND ngày 09/7/2021	1.057.324	531.661	51.997	46.514	7.514	39.000		371.964	51.964	255.446	49.783	255.446	49.783	49.783	Dự kiến trong năm 2024 sẽ bổ sung cho dự án 430 tỷ đồng phần tăng tổng mức đầu tư để thực hiện GPMB	
3	Đầu tư hệ thống quản lý giao thông thông minh (ITS) thành phố Cần Thơ giai đoạn 1 (Triển khai các hạng mục như: Tà tín hiệu, đèn tín hiệu, Camera quan sát CCTV, Hệ thống đo xe VDS và Trung tâm điều khiển)	TP. Cần Thơ	C	2021-2023	1336/QĐ-UBND ngày 06/06/2023	49.948	49.948	50.000	35.050	550	500	34.000	35.050	35.050	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400		
***	<b>Dự án khởi công mới</b>					<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.928</b>	<b>438</b>	<b>438</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>438</b>	<b>438</b>	<b>11.490</b>	<b>11.490</b>	<b>11.490</b>	<b>11.490</b>	<b>11.490</b>		
1	Trục đường Hẻm 91 (đoạn Long Xuyên - đường Vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ)	Bình Thủy	B	2022-2025				11.928	438	438			438	438	11.490	11.490	11.490	11.490	11.490		
IX	<b>Sở Khoa học và Công nghệ</b>					<b>29.976</b>	<b>29.976</b>	<b>29.976</b>	<b>27.730</b>	<b>230</b>	<b>1.500</b>	<b>8.000</b>	<b>18.000</b>	<b>27.730</b>	<b>27.730</b>	<b>3.000</b>	<b>3.000</b>	<b>2.246</b>	<b>2.246</b>		
**	<b>Dự án chuyển tiếp</b>					<b>-</b>	<b>29.976</b>	<b>29.976</b>	<b>27.730</b>	<b>230</b>	<b>1.500</b>	<b>8.000</b>	<b>18.000</b>	<b>27.730</b>	<b>27.730</b>	<b>3.000</b>	<b>3.000</b>	<b>2.246</b>	<b>2.246</b>		
1	Sân giao dịch công nghệ	Ninh Kiều	C	2022-2024	770/QĐ-UBND ngày 22/02/2022	29.976	29.976	29.976	27.730	230	1.500	8.000	18.000	27.730	27.730	3.000	3.000	2.246	2.246		
X	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>					<b>8.993</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>220</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>220</b>	<b>220</b>	<b>8.773</b>	<b>8.773</b>	<b>8.773</b>	<b>8.773</b>	<b>8.773</b>		
***	<b>Dự án khởi công mới</b>					<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.993</b>	<b>220</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>220</b>	<b>220</b>	<b>8.773</b>	<b>8.773</b>	<b>8.773</b>	<b>8.773</b>	<b>8.773</b>		
1	Đầu tư hệ thống trang thiết bị truyền nhân, phần mềm quản lý, giám sát dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục và Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn thải và thiết bị giám sát, quản lý khối lượng chất thải rắn	TP. Cần Thơ	C	2022-2024				8.993	220				220	220	8.773	8.773	8.773	8.773	8.773		
XI	<b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>					<b>36.614</b>	<b>36.614</b>	<b>64.712</b>	<b>29.631</b>	<b>290</b>	<b>5.640</b>	<b>11.715</b>	<b>11.986</b>	<b>29.953</b>	<b>29.953</b>	<b>30.252</b>	<b>30.252</b>	<b>30.252</b>	<b>30.252</b>		
*	<b>Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng</b>					<b>36.614</b>	<b>36.614</b>	<b>36.583</b>	<b>29.631</b>	<b>290</b>	<b>5.640</b>	<b>11.715</b>	<b>11.986</b>	<b>29.753</b>	<b>29.753</b>	<b>2.246</b>	<b>2.246</b>	<b>2.246</b>	<b>2.246</b>		



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư			Ngân sách địa phương đã giao chi tiết hàng năm					Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Nhu cầu vốn năm 2025		Dự kiến kế hoạch 2025		Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch đầu tư phát triển trong hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	TỔNG SỐ	Trong đó				Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSDP	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024								
1	Xây dựng trụ sở và trang bị hệ thống phần mềm ứng dụng du lịch thông minh cho Trung tâm Phát triển Du lịch thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2021-2023		296/QĐ-SXD 28/12/2021	10.712	10.712	10.590	9.004		5.000	4.004		9.126	9.126	113	113	113	113		
2	Sửa chữa, nâng cấp nhà ở vắn động viên Khu liên hợp thể dục thể thao thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2022-2024		303/QĐ-SXD ngày 04/11/2022	4.923	4.923	4.999	4.362		190	4.172		4.362	4.362	50	50	50	50		
3	Nâng cấp, sửa chữa nhà thi đấu đa năng thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2022-2024		366/QĐ-SXD ngày 27/12/2022	13.000	13.000	12.999	8.450		450	8.000		8.450	8.450	2.000	2.000	2.000	2.000		
4	Sửa chữa, nâng cấp Trung tâm Văn hóa thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2022-2024		297/QĐ-SXD ngày 29/12/2021	7.979	7.979	7.995	7.815		290	3.539	3.986	7.815	7.815	83	83	83	83		
***	Dự án khởi công mới						-	-	28.129	-	-	-	-	200	200	28.006	28.006	28.006	28.006	28.006	28.006	
1	Trùng tu Di tích lịch sử Khâm Lâm Cần Thơ		C	2022-2024					28.129					200	200	28.006	28.006	28.006	28.006	28.006	28.006	
XII	Số Xây dựng						590.859	590.859	433.364	159.790	65.650	26.500	29.640	38.000	429.633	429.633	273.574	273.574	273.574	273.574		
*	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng						4.278	4.278	4.304	3.950	150	-	3.800	-	3.950	3.950	354	354	354	354		
1	Sửa chữa trụ sở cơ quan Sở Xây dựng	Ninh Kiều	C	2022-2024		282/QĐ-SXD ngày 21/10/2022	2.788	2.788	2.840	2.600		100	2.500		2.600	2.600	240	240	240	240		
2	Sửa chữa trụ sở Viên Quy hoạch Xây dựng	Ninh Kiều	C	2022-2024		258/QĐ-SXD ngày 06/10/2022	1.490	1.490	1.464	1.350		50	1.300		1.350	1.350	114	114	114	114		
**	Dự án chuyển tiếp						-	586.581	586.581	429.060	155.840	65.500	26.500	25.840	38.000	425.683	425.683	273.220	273.220	273.220	273.220	
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao Ninh Kiều	Ninh Kiều	B	2020-2022		2626/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	586.581	586.581	429.060	155.840	65.500	26.500	25.840	38.000	425.683	425.683	273.220	273.220	273.220	273.220	273.220	
XIII	Số Y tế						374.070	374.070	6.850	-	-	-	-	-	343.348	343.348	6.850	6.850	6.850	6.850		
*	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng						374.070	374.070	6.850	-	-	-	-	-	343.348	343.348	6.850	6.850	6.850	6.850		
1	Trung tâm sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2016 - 2018		887/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	13.650	13.650	650	-	-	-	-	13.000	13.000	650	650	650	650	650	650	
2	Mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Lao và Bệnh phổi thành phố Cần Thơ	Ô Môn	B	2016-2020		890/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	71.064	71.064	1.000	-	-	-	-	64.648	64.648	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	
3	Mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	B	2016-2020		889/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	285.656	285.656	5.000	-	-	-	-	262.200	262.200	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	
4	Mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Tai Mũi Họng thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2019 - 2020		155/QĐ-SKHDT ngày 12/9/2019	3.700	3.700	200	-	-	-	-	3.500	3.500	200	200	200	200	200	200	
XIV	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn						359.650	359.650	342.000	325.283	67.500	159.000	98.000	783	326.556	326.556	125	125	125	125		
*	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng						359.650	359.650	342.000	325.283	67.500	159.000	98.000	783	326.556	326.556	125	125	125	125		
1	Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Cờ Đỏ	Cờ Đỏ	B	2021-2024		Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	119.968	119.968	114.000	109.331	22.500	53.000	33.500	331	109.756	109.756	48	48	48	48	48	
2	Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Thới Lai	Thới Lai	B	2021-2024		Quyết định số 3078/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	119.881	119.881	114.000	107.267	22.500	53.000	31.500	267	107.691	107.691	40	40	40	40	40	
3	Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Phong Điền	Phong Điền	B	2021-2024		Quyết định số 3075/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	119.801	119.801	114.000	108.685	22.500	53.000	33.000	185	109.109	109.109	37	37	37	37	37	
XV	Trường CD Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ						43.958	43.958	53.940	40.280	280	1.000	20.000	19.000	40.280	40.280	1.132	1.132	1.132	1.132		
*	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng						43.958	43.958	43.999	40.280	280	1.000	20.000	19.000	40.280	40.280	1.132	1.132	1.132	1.132		
1	Khu giảng đường dạy D, E thuộc Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2022-2024		3796/QĐ-UBND ngày 9/12/2020	43.958	43.958	43.999	40.280	280	1.000	20.000	19.000	40.280	40.280	1.132	1.132	1.132	1.132	1.132	
**	Dự án khởi công mới						-	-	9.941	-	-	-	-	-	-	-	1.000	1.000	1.000	1.000		
1	Thiết bị đào tạo tối thiểu đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2024-2025			-	-	9.941	-	-	-	-	-	-	-	1.000	1.000	1.000	1.000		
XVI	Trường CD Nghề Cần Thơ						-	-	21.810	-	-	-	-	-	190	190	21.810	21.810	21.810	21.810		
***	Dự án khởi công mới						-	-	21.810	-	-	-	-	-	190	190	21.810	21.810	21.810	21.810		
1	Dự án Đầu tư 3 ngôi trường điểm cấp độ Asean Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ	Bình Thủy	B	2021-2024			-	-	21.810	-	-	-	-	-	190	190	21.810	21.810	21.810	21.810		
XVII	Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Cần Thơ						135.000	135.000	65.000	-	-	-	-	65.000	65.000	65.000	169.000	169.000	70.000	70.000		
1	Cấp vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ						135.000	135.000	65.000	-	-	-	-	65.000	65.000	65.000	169.000	169.000	70.000	70.000		
B	Dự án do quận, huyện quản lý						3.349.474	3.349.474	11.950.528	8.075.063	1.592.929	1.581.020	1.997.385	2.993.729	8.671.476	8.979.171	4.126.428	4.126.428	3.972.615	3.972.615		
I	UBND quận Ninh Kiều						1.196.005	1.196.005	2.473.034	1.074.668	208.202	215.577	222.613	428.276	1.074.668	1.398.066	1.398.066	1.398.066	1.398.066	1.398.066	1.398.066	
*	Vấn theo tiêu chí, định mức						-	-	1.272.529	952.668	208.202	214.577	221.613	308.276	952.668	952.668	324.861	324.861	324.861	324.861		
1	Dự án Nâng cấp, cải tạo 05 nút giao thông trọng điểm trên địa bàn thành phố	Ninh Kiều	B	2022-2025		2791/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	1.196.005	1.196.005	1.195.505	122.000	1.000	1.000	120.000	122.000	122.000	1.073.205	1.073.205	1.073.205	1.073.205	1.073.205		
II	UBND quận Bình Thủy						426.851	426.851	1.245.038	913.305	290.665	158.432	201.763	262.445	913.781	913.781	335.213	335.213	335.213	335.213		
*	Vấn theo tiêu chí, định mức						-	-	857.129	653.168	139.156	148.432	148.135	222.445	653.168	653.168	203.952	203.952	203.952	203.952		
1	Khu tái định cư phường Long Hòa (Khu 2)	Bình Thủy	B	2019-2023		795/QĐ-UBND ngày 15/4/2021	426.851	426.851	387.918	260.137	151.509	15.000	53.628	40.000	260.613	260.613	131.261	131.261	131.261	131.261		
III	UBND quận Cái Răng						-	-	792.814	591.333	139.226	133.193	137.560	191.354	591.333	591.333	201.481	201.481	201.481	201.481		
*	Vấn theo tiêu chí, định mức						-	-	792.814	591.333	139.226	133.193	137.560	191.354	591.333	591.333	201.481	201.481	201.481	201.481		
IV	UBND quận Ô Môn						-	-	943.170	703.396	153.708	158.436	163.632	227.620	703.396	703.396	393.482	393.482	393.482	393.482		
*	Vấn theo tiêu chí, định mức						-	-	943.170	703.396	153.708	158.436	163.632	227.620	703.396	703.396	393.482	393.482	393.482	393.482		
V	UBND quận Thốt Nốt						487.323	487.323	1.352.509	1.094.577	166.351	238.131	289.699	400.396	1.373.594	1.373.594	355.932	355.932	355.932	355.932		
*	Vấn theo tiêu chí, định mức						-	-	996.761	742.894	162.351	172.331	172.816	240.396	996.761	996.761	253.867	253.867	253.867	253.867		
1	Khu tái định cư quận Thốt Nốt (Khu 1)	Thốt Nốt	C	2020-2022		2604/QĐ-UBND 29/10/2019	39.680	39.680	6.000	4.800	4.000	800		29.950	29.950	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200		
2	Khu tái định cư phường Thới Thuận (gł 2)	Thốt Nốt	B	2022-2025		1282/QĐ-UBND ngày 04/5/2022	447.643	447.643	349.748	346.883	349.748	346.883	116.883	160.000	346.883	346.883	100.865	100.865	100.865	100.865		
VI	UBND huyện Phong Điền						-	-	769.677	574.462	125.434	129.294	133.532	186.202	770.127	770.127	296.665	296.665	296.665	296.665		
*	Vấn theo tiêu chí, định mức						-	-	769.677	574.462	125.434	129.294	133.532	186.202	769.677	769.677	195.665	195.665	195.665	195.665		
1	Dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích lịch sử Lò Vung Cung (giai đoạn 2)			2024-2025					101.000		450			450	450	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000		





TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Ngân sách địa phương đã giao chi tiết hàng năm					Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Nhu cầu vốn năm 2025		Dự kiến kế hoạch 2025		Ghi chú
						TMDT			TỔNG SỐ	Trong đó				Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024							
VII	UBND huyện Cờ Đỏ						1.004.167	749.071	163.703	168.721	174.252	242.395	749.071	749.071	255.096	255.096	255.096	255.096		
*	Vốn theo tiêu chí, định mức						1.004.167	749.071	163.703	168.721	174.252	242.395	749.071	749.071	255.096	255.096	255.096	255.096		
VIII	UBND huyện Thới Lai						1.136.645	847.777	185.273	190.954	197.214	274.336	847.777	1.155.472	288.868	288.868	288.868	288.868		
*	Vốn theo tiêu chí, định mức						1.136.645	847.777	185.273	190.954	197.214	274.336	847.777	1.155.472	288.868	288.868	288.868	288.868		
IX	UBND huyện Vĩnh Thanh						1.239.295	1.239.295	1.526.474	170.367	188.282	477.120	690.705	1.647.729	601.625	601.625	601.625	601.625		
*	Vốn theo tiêu chí, định mức						1.024.117	763.549	166.867	171.982	177.620	247.080	763.549	763.549	260.568	260.568	260.568	260.568		
1	Đường ô tô vào trung tâm xã Thanh Lợi	Vĩnh Thanh	B	2010-2017	761/QĐ-UBND ngày 05/02/2015	110.684	110.684	1.600	-				99.055	99.055	1.500	1.500	1.500	1.500		
2	Đường Nam kênh Đôn Đông (đoạn từ kênh F - kênh H)	Vĩnh Thanh	C	2019-2021	2857/QĐ-UBND 30/10/2017	57.682	57.682	35.400	32.069	3.500	13.500	3.800	11.269	54.269	54.269	3.331	3.331	3.331	3.331	
3	Đường nối từ đường dẫn vào cầu Vàm Cống vào Khu công nghiệp Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh	B	2023-2025	382/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	384.614	384.614	384.648	223.100		1.000	122.100	100.000	223.100	223.100	158.173	158.173	158.173	158.173	
4	Đường nối từ Quốc lộ 80 vào Khu công nghiệp Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh	B	2023-2025	4070-QĐ-UBND ngày 18/11/2022	172.413	172.413	172.709	148.356		800	71.200	76.356	148.356	148.356	23.453	23.453	23.453	23.453	
5	Khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp huyện Vĩnh Thanh (giai đoạn 1)	Vĩnh Thanh	B	2023-2025	2479-QĐ-UBND ngày 03/7/2023	513.902	513.902	514.000	359.400		1.000	102.400	256.000	359.400	359.400	154.600	154.600	154.600	154.600	





**Phụ lục số II**  
**TÌNH HÌNH CHỨC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NSTW BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU CHO NSDP (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2024 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2025**  
 (Kèm theo Kế hoạch số 15/L- KH-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-IT	Số quyết định; ngày tháng, năm ban hành	Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025	Ngân sách địa phương đã giao chi tiết hàng năm				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Nhu cầu vốn năm 2025		Dự kiến kế hoạch năm 2025		Ghi chú				
								TỔNG SỐ	Trong đó				Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSTW			
									Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024										
	<b>Tổng số</b>					24.192.662	20.333.734	11.737.637	5.621.551	-	1.315.915	1.757.636	2.548.000	7.861.036	5.621.551	7.280.186	6.116.086	7.190.411	6.116.086			
	<b>I Lĩnh vực giao thông</b>					23.947.062	20.175.734	11.579.637	5.463.551	-	1.315.915	1.757.636	2.390.000	7.701.836	5.463.551	7.193.786	6.116.086	7.190.411	6.116.086			
	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025</b>					3.143.744	2.257.637	2.257.637	1.293.551	-	765.915	437.636	90.000	1.743.952	1.293.551	1.733.666	964.086	1.730.291	964.086			
1	Xây dựng và nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 917	B	Ô Môn - Bình Thủy - Phong Điền		2021-2024	3611/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	996.210	561.000	561.000	358.000		200.000	128.000	30.000	358.000	358.000	668.293	203.000	664.918	203.000		
2	Đường tỉnh 918 (giai đoạn 2)	B	Bình Thủy - Phong Điền		2021-2024	3664/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	700.125	562.974	562.974	294.636		200.000	79.636	15.000	430.586	294.636	441.183	268.338	441.183	268.338		
3	Đường tỉnh 921: Đoạn tuyến thẳng (điểm đầu giao với tuyến tránh Thốt Nốt - điểm cuối giao với đường cao tốc Cần Thơ - Sóc Trăng - Châu Đốc)	B	Thốt Nốt - Cờ Đỏ		2021-2024	1351/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	871.213	608.000	608.000	320.915			210.915	80.000	30.000	583.402	320.915	368.744	287.085	368.744	287.085	
4	Xây dựng và nâng cấp mở rộng đường tỉnh 923	B	Phong Điền - Ô Môn		2021-2024	1466/QĐ-UBND ngày 09/7/2021	576.195	525.663	525.663	320.000			155.000	150.000	15.000	371.964	320.000	255.446	205.663	255.446	205.663	
	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025</b>					20.803.318	17.918.097	9.322.000	4.170.000	-	550.000	1.320.000	2.300.000	5.957.884	4.170.000	5.460.120	5.152.000	5.460.120	5.152.000			
1	Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối Quốc lộ 91 và Quốc lộ 61C)	A	Ô Môn - Bình Thủy - Phong Điền - Cái Răng		2021-2026	3543/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	3.837.742	2.000.000	2.000.000	1.200.000			550.000	350.000	300.000	2.283.884	1.200.000	1.108.120	800.000	1.108.120	800.000	
2	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc-Cần Thơ-Sóc Trăng giai đoạn 1, dự án thành phần 2 đoạn qua địa bàn TPCT	A	Vĩnh Thanh - Cờ Đỏ - Thới Lai		2022-2026	290/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	9.725.097	8.725.097	4.087.000	2.970.000			970.000	2.000.000	3.670.000	2.970.000	1.117.000	1.117.000	1.117.000	1.117.000		
3	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 91 (đoạn từ Km0-Km7), thành phố Cần Thơ	A	Ninh Kiều - Bình Thủy		2024-2027	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND thành phố Cần Thơ	7.240.479	7.193.000	3.235.000	-				4.000		3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000			
	<b>II Lĩnh vực Y tế</b>					245.600	158.000	158.000	158.000	-	-	-	158.000	159.200	158.000	86.400	-	-	-	-		
	<b>Dự án khởi công mới năm 2024</b>					245.600	158.000	158.000	158.000	-	-	-	158.000	159.200	158.000	86.400	-	-	-	-		
1	Nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) thành phố Cần Thơ	B	Ninh Kiều		2024-2025		110.000	105.000	105.000	105.000			105.000	105.500	105.000	4.500	-	-	4.500	-		
2	Nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị 09 Trung tâm Y tế tuyến huyện trên địa bàn thành phố Cần Thơ	B	TP Cần Thơ		2024-2025		135.600	53.000	53.000	53.000			53.000	53.700	53.000	81.900	-	-	81.900	-		